

MÔ TÍP “NGƯỜI ĐÀN BÀ HAI CHỒNG” TRONG SỰ TÍCH ĐÀU RAU CỦA NGƯỜI VIỆT

LÊ THỊ XUÂN LIÊN *

Tóm tắt: “Người đàn bà hai chồng” trong *Sự tích Đầu Rau* là mô típ nghệ thuật mở đầu cốt truyện đồng thời cũng là sợi chỉ xuyên suốt liên kết các mô típ nghệ thuật khác, hoàn tất cốt truyện giải thích phong tục thờ cúng Táo Quân ở Việt Nam. Mô típ nghệ thuật này cũng chứa đựng những thông điệp đặc sắc về văn hóa hôn nhân của người Việt cùng cảm quan đạo đức của dân gian khi sáng tạo nên câu chuyện này khiến người đời sau không thể không tìm hiểu và khám phá.

Từ khóa: Mô típ, Người đàn bà hai chồng, *Sự tích Đầu Rau*.

Abstract: “The woman with two husbands” in the *Tale of Đầu Rau* is an artistic motif that opens the plot and also the thread that connects other artistic motifs, completing the plot of explaining the custom of worshipping Táo Quân in Vietnam. This artistic motif also contains the unique messages about the marriage culture of the Vietnamese people and the moral sense of folk when creating this story, which promotes the later generations to learn and discover.

Keywords: Motif, woman with two husbands, *Tale of Đầu Rau*.

1. Dẫn nhập

“Người đàn bà hai chồng” hay “người đàn bà nhiều chồng” không phải là một hiện tượng hiếm hoi ngoài cuộc đời cũng như trong văn học, đặc biệt là trong những

câu chuyện cổ tích Việt Nam. Tuy nhiên, khi đi vào văn học hiện tượng có tính phổ biến này ngoài đời không còn nguyên dạng như bản thân nó ngoài đời mà đã có sự biến tấu thành nhiều dạng thức khác nhau qua từng câu chuyện kể; chứa đựng nhiều sắc thái ý nghĩa khác nhau và trở thành một mô típ nghệ thuật độc đáo ẩn chứa nhiều thông điệp về văn hóa hôn nhân của người Việt.

2. Nội dung

2.1. Khái lược về mô típ “Người đàn bà hai chồng” trong truyện cổ tích Việt Nam

Trong kho tàng truyện cổ tích Việt Nam, chúng tôi đã tìm thấy có không ít những câu chuyện xuất hiện nhân vật “người đàn bà hai chồng”.

Nhân vật trung tâm của mô típ này là người phụ nữ với danh phận là người vợ. Những người vợ này đã từng có cuộc sống hôn nhân rất hạnh phúc. “Hai vợ chồng đều yêu thương nhau hết mực”, về sau cuộc sống hôn nhân nảy sinh mâu thuẫn, hoặc gặp trắc trở dẫn đến ly tán và rồi họ kết hôn với người khác, hoặc bỏ theo người đàn ông khác.

Lý do cuộc hôn nhân đầu ly tán được kể

* ThS - Khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Tây Bắc; Email: lexuanliendhtb@gmail.com

khá đa điệu:

- Người vợ vì tốt bụng giúp đỡ người đàn ông khác nên bị chồng hiểu lầm, nảy sinh lòng ghen tuông mà hắt hủi, đuổi đi; hoặc vì người chồng say mê cờ bạc, khi thua bạc uống rượu say hắt hủi, đuổi vợ ra khỏi nhà, người vợ không nơi nương tựa đành phải kết hôn với người đàn ông khác. Lý do này ta có thể tìm thấy trong hai truyện cổ tích tiêu biểu *Đồng tiền Vạn lịch*, *Sự tích Đậu Rau* của người Việt.

- Người vợ vì có nhan sắc nên bị kẻ có quyền thế say mê nhan sắc cướp về làm vợ, tiêu biểu là *Lọ nước thần*, *Ai mua hành tôi* trong truyện cổ tích của người Việt.

- Người chồng đi làm ăn xa quá lâu không về, người vợ tưởng là đã chết, sau khi để tang nhiều năm thì kết hôn với người vẫn giúp đỡ khi gặp khó khăn. Lý do này ta có thể tìm thấy trong truyện cổ tích *Trình phụ hai chồng*.

Trong hầu hết các câu chuyện cổ tích nói trên, người vợ đều do hoàn cảnh xô đẩy mà buộc phải kết hôn với người khác hoặc sống chung với kẻ bắt ép mình làm vợ. Riêng trong truyện *Sự tích con muỗi* của người Việt, câu chuyện kể theo một chiều hướng khác: người vợ sau khi được chồng cứu sống vì tham vàng bỏ ngải mà bỏ lại người chồng tình nghĩa thủy chung để đi theo người lái buôn giàu có từng hứa hẹn sẽ cho chị ta một cuộc đời sung sướng, giàu sang.

Khảo cứu về mô típ này sẽ giúp ta hiểu và lý giải sâu sắc hơn những xung đột, mâu thuẫn nảy sinh khá phổ biến trong gia đình mà truyện cổ tích phản ánh; đồng thời cũng giúp ta hiểu rõ hơn về hình thức hôn nhân “một vợ nhiều chồng” trong hình thái hôn nhân “tạp hôn” của thời kỳ mẫu hệ.

“Tạp hôn” - một hình thái hôn nhân cổ xưa của loài người xuất hiện vào thời kỳ đầu của công xã nguyên thủy, khi con người mới có ý niệm hết sức mơ hồ về hôn nhân và sự sinh sản.

Tạp hôn được hiểu là sự kết hợp một cách ngẫu nhiên dưới nhiều hình thức khác nhau, nhưng vô thức giữa đàn ông và đàn bà, không có sự phân biệt tuổi tác hay huyết thống. *Tạp hôn* tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau và ngự trị trong suốt thời kỳ mẫu hệ: hôn nhân mẹ - con, hôn nhân cha - con, hôn nhân anh (chị) - em ruột, hôn nhân một vợ nhiều chồng.

Dấu ấn của các hình thức hôn nhân tạp hôn thời kỳ mẫu hệ từng được lưu lại trong khá nhiều truyện dân gian các dân tộc trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Trong những huyền thoại về nguồn gốc loài người, nguồn gốc các dân tộc anh em cũng ẩn chứa dấu vết của những cuộc hôn nhân “anh trai - em gái” hay còn gọi là *hôn nhân anh em ruột* - một trong những hình thức hôn nhân tối cổ, xuất hiện vào thời kỳ đầu của công xã nguyên thủy. Theo tác giả Đặng Nghiêm Vạn: “Người xưa muốn khẳng định tổ tiên của các thành phần dân tộc khác nhau cư trú ở một địa phương hay là tổ tiên của loài người sau này phải là từ một dòng máu, một bào thai mà sinh ra. Vì vậy, cặp trai gái đó, trong phần lớn các trường hợp là hai anh em hay hai chị em ruột kết hôn với nhau”. [1, tr.111]

Quả thực là người xưa đã buộc mình vào một vấn đề nan giải. Khi loài người đã qua giai đoạn bầy người nguyên thủy và tổ chức thành xã hội, trong sinh hoạt vẫn còn rơi rớt lại những vết tích của quần hôn mà tục lệ còn chấp nhận được nhưng không thể chấp nhận kiểu hôn nhân huyết tộc như hôn nhân mẹ - con, cha con hay hôn nhân anh (chị) -

em ruột. Những ai vi phạm vào điều này đều bị coi là súc vật, là nguồn tai họa cho cả bầy. Người đó sẽ bị đuổi ra khỏi cộng đồng. Người ta chỉ cho phép vi phạm điều cấm kỵ này trong những trường hợp đặc biệt tuyệt chủng đồng bào, đồng tộc với điều kiện phải được sự đồng ý của đất trời, thần linh. “Hầu hết trong các huyền thoại về nguồn gốc loài người đều bắt đầu từ đôi nam nữ sống sót sau nạn hồng thủy chia nhau đi hai ngả tìm người để kết hôn, sau năm lần bảy lượt không có kết quả, hai người buộc phải lấy nhau để bảo vệ giống nòi. Có điều hai người không thể tự quyết định mà phải có nhân vật thứ ba xuất hiện để thúc đẩy sự quyết tâm của đôi trai gái có cùng dòng máu đó thực hiện nhiệm vụ cao cả của mình: cứu nhân loại khỏi nạn diệt vong”. [1, tr.112]

Động lại trong *Sự tích Đá vọng phu* của người Việt một lớp trầm tích rất sâu về hình thức hôn nhân anh em ruột. Do ra đời muộn hơn huyền thoại về nguồn gốc loài người nên dân gian đã xóa đi màu sắc loạn luân ấy bằng một sự nhầm lẫn ngẫu nhiên (người anh lấy nhầm em gái làm vợ nhưng không biết đó là em gái mình). Tuy nhiên, xã hội sản sinh ra hình thức hôn nhân huyết tộc này đã bị vượt qua, dù “chữa lại” bằng cách nào đi chăng nữa người ta vẫn không dễ dàng dung thứ nên kết thúc của bi kịch hôn nhân này là người chồng (tức người anh) sau khi phát hiện ra sự thực nghiệt ngã ấy đã bỏ đi biệt tích, để cho người vợ trẻ (người em gái) và đứa con thơ đêm ngày trông đợi tới hóa đá. Sự cố gắng xóa mờ đi ký ức của sự loạn hôn ấy bằng cách tạo ấn tượng về bi kịch của con người trong chiến tranh, bằng hình tượng người phụ nữ thủy chung chờ chồng tới khi hóa thành đá núi

vô tình tạo nên biểu tượng đẹp về lòng chung thủy của người phụ nữ Việt Nam.

Nếu giai đoạn đầu của công xã nguyên thủy, hôn nhân tạp hôn tồn tại dưới hình thức “*hôn nhân huyết tộc*” thì giai đoạn phát triển của công xã thị tộc mẫu hệ, hôn nhân tạp hôn huyết tộc chuyển sang hình thái “*hôn nhân ngoại tộc*” với các hình thức phổ biến là hôn nhân “một vợ nhiều chồng”, hoặc “hôn nhân đối ngẫu”. Hình thức hôn nhân đối ngẫu khá đặc biệt: nó mang dáng nét của hôn nhân thời phụ hệ - “hôn nhân một vợ một chồng” nhưng khác biệt ở chỗ: người có quyền chọn chồng là phụ nữ, người chồng được chọn phải ở rể bên nhà vợ. Người chồng tuyệt đối phải đối xử bình đẳng với vợ, nếu anh ta vi phạm điều cấm kỵ này sẽ bị gia đình nhà vợ đuổi đi.

Hầu hết các vết tích về những hình thái hôn nhân cổ xưa của loài người đều nằm ở vị trí máu chốt của truyện. *Sự tích Trái Phật thủ* của người Việt, dấu vết của hình thức hôn nhân “một vợ nhiều chồng” nằm ở tình tiết: từ khi người anh đi vắng, đêm nào nằm ngủ người em cũng thò tay qua vách, đặt tay lên bụng chị dâu; kết quả là người chị dâu mang thai hình bàn tay người em chồng. Sự mang thai của chị dâu trở thành bằng chứng kết tội người em chồng loạn hôn, dẫn tới sự hiểu lầm của người anh. Câu chuyện kết thúc với bi kịch gia đình nhỏ ly tán, các nhân vật đều hóa thân thành các ngôi sao trên bầu trời: người em hóa Sao Hôm, người anh hóa Sao Mai, người chị dâu hóa Sao Vượt. Cái bào thai hình bàn tay người hóa trái Phật thủ. “Trải qua nhiều lần bị hiểu lại và cải tác, những dấu vết ấy giống như những viên đá còn sót lại của một tòa lâu đài cổ đã hoang tàn, được

dùng để xây tòa kiến trúc mới; thâm nhập hẳn vào bên trong của kết cấu mới và trở thành những hồi ức âm lặng về quá khứ” [2, tr.99].

Chi tiết nghệ thuật về việc người chị dâu “*mang thai hình bàn tay người em chồng*” kỳ thực chỉ là cách “hiểu lại và chữa lại” hành vi loạn hôn giữa chị dâu - em chồng của dân gian cho phù hợp với cảm quan đạo đức của dân tộc, cho phù hợp với thời đại sản sinh ra truyện này.

Những cuộc hôn nhân trong mô típ nghệ thuật “người đàn bà hai chồng” trong kho tàng truyện cổ tích Việt Nam cũng như bản thân những nhân vật người vợ trong mỗi truyện đều nằm trong vòng kiểm soát của những quy định xã hội về phẩm chất, nhân cách nên khi nghe kể lại truyện, người nghe chỉ cảm thấy xót thương cho họ, không hề chê trách hay phê phán họ. Xét đến cùng, “nhân vật đàn bà hai chồng” trong truyện là nạn nhân của sự chuyển giao hình thái hôn nhân, lịch sử xã hội.

2.2. Mô típ “Người đàn bà hai chồng” trong *Sự tích Đậu Rau* của người Việt

Nằm trong hệ thống truyện cổ tích phản ánh chuỗi bi kịch của con người vào thời kỳ tan rã của công xã nguyên thủy, hình thành gia đình phụ quyền và giai cấp trong xã hội, khi hình thức hôn nhân lứa đôi “một vợ một chồng” đã được thừa nhận, được bảo vệ bằng những quy định cụ thể, *Sự tích Đậu Rau* chứa đựng những hồi ức của hình thái hôn nhân mẫu hệ trong thời kỳ cuối của chế độ công xã nguyên thủy cùng những bi kịch hôn nhân của con người trong quá khứ.

“Mô típ” chính là những yếu tố, bộ phận lớn hoặc nhỏ đã được hình thành ổn định, bền vững và được sử dụng nhiều lần trong

sáng tác văn học nghệ thuật. Nhất là sáng tác văn học nghệ thuật dân gian” [3, tr.136].

Bằng trí tưởng tượng phong phú, tài năng sáng tạo nghệ thuật, dân gian đã hư cấu nên câu chuyện *Sự tích Đậu Rau* nhằm giải thích về nguồn gốc phong tục thờ cúng Vua Bếp của dân tộc mình. Câu chuyện này đã trở thành một truyện cổ tích phong tục hấp dẫn, thường được truyền kể vào ngày Tết Ông Táo ở Việt Nam. Cách giải thích của dân gian về phong tục này khá thú vị, được gắn kết với vấn đề xã hội có tính phổ biến lúc bấy giờ. Đó là vấn đề hôn nhân gia đình cùng những quan hệ phức tạp của nó trong thời kỳ công xã nguyên thủy tan rã, hình thành gia đình phụ quyền và xã hội có giai cấp. Cùng với sự tan rã của công xã nguyên thủy là sự tan rã của mối quan hệ hôn nhân mẫu hệ và sự hình thành quan hệ hôn nhân phụ hệ, văn minh hơn.

Trong *Sự tích Đậu Rau*, “người đàn bà hai chồng” không chỉ là mô típ có ý nghĩa mở đầu cốt truyện, mở đầu chuỗi bi kịch trong hôn nhân của các nhân vật trong truyện, mà còn là một mô típ nghệ thuật có ý nghĩa thẩm mỹ, là sợi chỉ đỏ liên kết các mô típ nghệ thuật khác để hoàn thiện cốt truyện với chủ đề giải thích phong tục thờ cúng Vua Bếp ở Việt Nam mang ý nghĩa xã hội, tính nhân văn sâu sắc trong sáng tạo nghệ thuật của dân gian.

“Người đàn bà hai chồng” trong *Sự tích Đậu Rau* hay “người đàn bà có nhiều chồng” từng xuất hiện trong thời kỳ công xã thị tộc mẫu hệ, khi mà chế độ hôn nhân “tạp hôn” mẫu hệ vẫn còn ngự trị. Chế độ hôn nhân này cho phép “một người đàn bà có thể lấy nhiều chồng”. *Sự tích Đậu Rau* chỉ là một trong những tòa lâu đài chứa đựng trong nó những *hồi ức âm lặng* của hình thái hôn nhân một vợ nhiều chồng. Mô

típ “người đàn bà hai chồng” chính là tàn tích của hình thái hôn nhân tạp hôn này.

Nhìn dưới góc độ hình thức thì cuộc hôn nhân giữa Thị Nhi và Trọng Cao (sau này là giữa Thị Nhi với Phạm Lang) đã kết thành một tổ ấm riêng lẻ “*một gia đình nhỏ*” mang dáng nét của hình thái hôn nhân “một vợ một chồng” thời phụ hệ. Bằng chứng là: hai vợ chồng Thị Nhi và Phạm Lang cùng chung sống dưới một mái nhà riêng rẽ - lối cư trú phổ biến của hình thái hôn nhân thời phụ hệ - họ cùng làm ăn sinh sống và có gia sản riêng: mảnh ruộng, mảnh vườn, nhà ở, ... điều này cho phép chúng ta khẳng định rằng: tổ ấm gia đình của Thị Nhi và Trọng Cao trước đó, hay Thị Nhi và Phạm Lang về sau đã thực sự là một “tế bào kinh tế của xã hội”. Nó chứng tỏ sự hiện hữu của chế độ hôn nhân lứa đôi *một vợ một chồng* đã được hình thành và thừa nhận trong xã hội.

Nếu đem so tổ ấm gia đình của Thị Nhi với tổ ấm của “người đàn bà hai chồng” trong truyện *Sự tích Trái Phật thủ* của người Việt thì dấu ấn hôn nhân thời phụ hệ ở đây đậm nét hơn, rõ ràng hơn. Vì thế dấu vết hôn nhân mẫu hệ còn lại mờ nhạt hơn. Nó ẩn sâu trong mối quan hệ vợ chồng giữa Thị Nhi và hai người chồng, đặc biệt là trong quan hệ với người chồng cũ. Trong quan hệ với người chồng mới là Phạm Lang, chúng tôi không thấy hành vi bạo ngược nào, nhưng trong quan hệ với người chồng cũ là Trọng Cao lại thường xảy ra hành vi ngược đãi vợ. Hành vi “*thường xuyên ngược đãi vợ*” của Trọng Cao biểu hiện thái độ gia trưởng thường gặp trong quan hệ hôn nhân thời phụ hệ nhưng nó lại vi phạm vào điều cấm kỵ trong hôn nhân mẫu hệ, vi phạm vào nguyên tắc bình đẳng vốn được coi là “*một nguyên tắc vàng*” trong chế độ hôn nhân thời mẫu hệ. Xung

đột này dẫn đến hành động “đánh lòng ra đi và kết hôn với người đàn ông khác” của Thị Nhi. Hành động của Thị Nhi lại gắn với cách ứng xử thường gặp trong quan hệ vợ chồng thời mẫu hệ. Nó biểu hiện vai trò chủ động trong hôn nhân của người phụ nữ thời công xã thị tộc.

Các tình tiết kể Thị Nhi bỏ chồng cũ lấy chồng mới trong *Sự tích Đậu Rau* hay tình tiết về việc người chị dâu trong *Sự tích trái Phật thủ* mang thai hình bàn tay người em chồng của đều có chung một ý nghĩa là phản ánh sự trỗi dậy của hình thái hôn nhân tạp hôn thời mẫu hệ vào thời điểm hình thái hôn nhân lứa đôi một vợ một chồng đã được xác lập, được bảo vệ bằng những luật lệ mang tính xã hội.

Cái chết của các nhân vật ở cuối mỗi câu chuyện kể về *người đàn bà hai chồng* chứng tỏ sự thắng thế của hình thái hôn nhân thời phụ hệ.

Cái chết của các nhân vật trong *Sự tích Đậu Rau* mang ý nghĩa xã hội sâu sắc. Nó phản ánh quan niệm đạo đức, triết lý sống của người lao động; phản ánh tư tưởng nhân văn của dân gian khi sáng tạo câu chuyện này. Cuộc hội ngộ bất ngờ với người chồng cũ khiến Thị Nhi lâm vào tình thế khó xử “bỏ thì thương, vương thì tội”. Nàng như người đứng giữa đôi ngã thời gian, quá khứ và hiện tại chưa biết chọn ngã nào. Sự can thiệp kịp thời của dân gian là giúp nàng có được sự lựa chọn. Nàng tiếp đón chồng cũ bằng “một mâm cơm rượu” - sự tiếp đón chu đáo này không phải xuất phát từ tình cảm yêu thương với người chồng cũ mà xuất phát trên cơ sở đạo lý truyền thống của người Việt Nam “thương người như thể thương thân, lá lành đùm lá rách”. Nó phù hợp với tâm lý của người Việt Nam.

Chúng kiến cái chết bi thảm của người chồng cũ trong lửa, Thị Nhi nhảy vào lửa chết theo chồng cũ. Tuy nhiên, *Sự tích Đầu Rau* của người Việt chỉ là một cách hiểu lại, chữa lại số phận, bi kịch hôn nhân của con người đã từng xảy ra trong quá khứ - bi kịch của *một người đàn bà có nhiều chồng* ở thời điểm chế độ xã hội sản sinh ra hình thái hôn nhân ấy đã bị lụi sâu vào quá khứ, nhường chỗ cho chế độ xã hội mới tiến bộ hơn với hình thái hôn nhân văn minh hơn. *Người đàn bà có nhiều chồng* thời mẫu hệ phải chết khi họ không thể sống, để nhường chỗ cho những *người đàn bà một chồng* thời phụ hệ. Vì vậy, không thể hiểu: hành động nhảy vào lửa chết theo chồng cũ của Thị Nhi là hành động chứng tỏ tình yêu chung thủy đối với Trọng Cao mà nên hiểu đó chỉ là hành động xuất phát từ đạo lý truyền thống vốn trọng tình, trọng nghĩa của người Việt Nam. Người chồng cũ chết, người vợ chết theo chồng cũ, người chồng sau cũng đau khổ theo vợ tìm cái chết. Một đoạn đời - ba số phận khép lại trong ánh vàng rực rỡ của lửa. Ngọn lửa đốt cháy cả ba con người chung thủy và cao thượng ấy đã trở thành ngọn lửa thiêng tỏa sáng ngàn đời lưu giữ tất cả những gì ảm áp của tình đời, tình người.

3. Kết luận

Khảo cứu về mô típ “người đàn bà hai

chồng” trong kho tàng truyện cổ tích Việt Nam nói chung, *Sự tích Đầu Rau* của người Việt nói riêng, chúng tôi không cho rằng những nhân vật “người đàn bà hai chồng” trong các truyện cổ tích là bản sao của nhau. Họ chính là những phiên bản khác nhau của những người phụ nữ ngoài đời được soi chiếu vào trong văn học. Những câu chuyện kể về họ nằm trong chuỗi bi kịch chung của con người trong thời kỳ quá độ sang chế độ có giai cấp; hình thức hôn nhân một vợ một chồng đã được thừa nhận và bảo vệ bằng những quy định cụ thể. Các hình thức hôn nhân của thời kỳ mẫu hệ không còn thích hợp nữa. Do đó, những cuộc hôn nhân của các nhân vật cũng như bản thân các nhân vật trong truyện đều nằm trong sự kiểm soát của quy định xã hội về phẩm chất, nhân cách và được đánh giá lại theo quan điểm đạo đức và quan điểm xã hội của nhân dân lao động. Và mô típ nghệ thuật này cũng được sáng tạo dựa trên cảm quan đạo đức xã hội của nhân dân lao động.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lữ Huy Nguyên, Đặng Văn Lung, *Hợp truyện cổ tích Việt Nam*, Nxb. Văn học, 1986.
- [2] Bùi Mạnh Nhị (Chủ biên), *Văn học dân gian những công trình nghiên cứu*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1999.
- [3] Đỗ Bình Trị, *Văn học dân gian Việt Nam*, Tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1991.